TỔNG CÔNG TY IDICO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc
Số: 727/TCT-BTC V/v công bố thông tin Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên đã được soát xét của Tổng công ty IDICO	*TP. HCM, ngày 23 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;**
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Tổng công ty IDICO - CTCP.

Mã chứng khoán: IDC.

Trụ sở chính: 151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0283. 8438883 Fax: 0283. 9312705

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Hồng Hải.

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

Điện thoại: 0283. 8438883 Fax: 0283. 9312705

Loại thông tin công bố: ☐ 24h; ☐ 72h; ☐ Yêu cầu; ☐ bất thường; ☒ định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

Thực hiện Mục (2) Điều 14 của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán,

Tổng công ty IDICO công bố thông tin như sau:

Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên năm 2021 đã được soát xét của Tổng công ty IDICO được lập ngày 20/9/2021 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Toàn bộ Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên năm 2021 đã được soát xét của Tổng công ty IDICO được đăng tải trên trang Website: ***http://www.idico.com.vn***, mục quan hệ cổ đông.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Website IDICO;
- Lưu: HC, NS, KT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0302... TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hồng Hải

Signature Not Verified
Ký bởi: TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP
Ký ngày: 24/9/2021 09:46:39

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 9 năm 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	**Trang**
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	12 - 62

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty IDICO - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

TỔNG CÔNG TY

Tổng công ty IDICO - CTCP (gọi tắt là "IDICO") tiền thân là Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam được chuyển đổi thành Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp: 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/6/2010 với vốn điều lệ là 1.602.219.000.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - CTCP với vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 VND (*Ba ngàn tỷ Việt Nam đồng*), được chia thành 300.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật thông tin từ phường 6 sang phường Võ Thị Sáu và cập nhật mã ngành nghề đăng ký kinh doanh vào hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tên Tổng công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDICO CORPORATION – JSC.

Tên Tổng công ty viết tắt là: IDICO.

Cổ phiếu Tổng công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: IDC.

Trụ sở chính của IDICO tại: 151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông Ninh Mạnh Hồng	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 02/02/2021)
Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch (Bầu từ ngày 02/02/2021)
Ông Nguyễn Văn Đạt	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 02/02/2021)
Ông Đặng Chính Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Cao Nguyên	Thành viên (Bầu từ ngày 02/02/2021)
Ông Vũ Quang Bảo	Thành viên (Từ nhiệm từ ngày 01/7/2021)
Ông Trịnh Hùng Lâm	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 02/02/2021)
Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Thành viên (Bầu từ ngày 02/02/2021)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban kiểm soát:

Ông Nguyễn Cao Nguyên	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 02/02/2021)
Ông Hoàng Văn Hiến	Trưởng ban (Bầu từ ngày 02/02/2021)
Bà Lê Ánh Thu	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 02/02/2021)
Ông Đào Hữu Thắng	Thành viên (Bầu từ ngày 02/02/2021)
Bà Trần Thanh Linh	Thành viên (Bầu từ ngày 02/02/2021)

Ban Tổng giám đốc

Ông Đặng Chính Trung	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc
Ông Phan Văn Chung	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng giám đốc
Ông Phan Văn Chính	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/6/2021)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, ngoài sự kiện nêu tại thuyết minh số 7.1 bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

M.S.D.N: 0302177966 C.T.C.P TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Chính Trung ĐẶNG CHÍNH TRUNG
Tổng giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2021

CPAVIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 138/2021/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc
Tổng công ty IDICO - CTCP

Chúng tôi thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng công ty IDICO - CTCP, được lập ngày 20/9/2021, từ trang 07 đến trang 62, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bùi Thị Thúy
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1
Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐTV, Tổng giám đốc
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/6/2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	**100**		**1.828.748.454.199**	**1.101.161.661.584**
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**358.016.024.324**	**326.778.801.073**
1. Tiền	111		83.016.024.324	106.778.801.073
2. Các khoản tương đương tiền	112		275.000.000.000	220.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**1.023.660.000.000**	**213.660.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	1.023.660.000.000	213.660.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**411.725.387.098**	**497.585.643.373**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	113.602.907.459	105.735.722.237
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	73.166.675.857	7.515.524.476
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.6	108.800.000.000	105.557.057.386
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.7	132.255.583.995	294.877.119.487
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.8	(16.099.780.213)	(16.099.780.213)
IV- Hàng tồn kho	**140**	**5.9**	**10.144.899.061**	**267.053.262**
1. Hàng tồn kho	141		10.144.899.061	267.053.262
V- Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**25.202.143.716**	**62.870.163.876**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.13	395.423.415	4.070.824.321
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.687.813.251	58.705.557.311
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	118.907.050	93.782.244
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	**200**		**8.236.895.003.830**	**8.149.504.201.264**
I Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**128.157.500.000**	**12.657.500.000**
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.6	17.740.000.000	2.240.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.7	110.417.500.000	10.417.500.000
II Tài sản cố định	**220**		**2.754.898.329.043**	**2.812.342.161.700**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	1.415.742.298.388	1.458.623.211.531
- *Nguyên giá*	*222*		*2.268.893.731.120*	*2.252.427.983.081*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(853.151.432.732)*	*(793.804.771.550)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	1.339.156.030.655	1.353.718.950.169
- *Nguyên giá*	*228*		*1.634.625.188.390*	*1.630.299.521.573*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(295.469.157.735)*	*(276.580.571.404)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**3.249.691.797.160**	**3.131.850.432.004**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	3.249.691.797.160	3.131.850.432.004
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5.3**	**1.671.282.654.918**	**1.863.971.394.918**
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.183.683.719.870	1.116.372.459.870
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		434.730.017.481	694.730.017.481
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		112.409.084.484	112.409.084.484
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(59.540.166.917)	(59.540.166.917)
VI Tài sản dài hạn khác	**260**		**432.864.722.709**	**328.682.712.642**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	423.676.164.131	319.494.154.064
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		9.188.558.578	9.188.558.578
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**10.065.643.458.029**	**9.250.665.862.848**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30/6/2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	**300**		**6.454.973.588.128**	**5.889.712.785.354**
I- Nợ ngắn hạn	**310**		**727.155.867.087**	**688.390.553.488**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	53.819.189.249	155.568.546.325
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		510.459	6.427.083.738
3. Thuế và các khoản phải nộp	313	5.14	48.141.281.997	27.177.497.985
4. Phải trả người lao động	314		3.671.502.706	12.656.604.267
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	9.792.317.474	12.196.932.022
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.19	206.081.292.035	129.102.193.229
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	84.436.044.256	53.568.302.936
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	312.895.845.586	283.015.076.661
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		8.317.883.325	8.678.316.325
II- Nợ dài hạn	**330**		**5.727.817.721.041**	**5.201.322.231.866**
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.19	4.457.013.636.691	4.048.866.204.382
2. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.18	1.270.804.084.350	1.152.456.027.484
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	**400**		**3.610.669.869.901**	**3.360.953.077.494**
I- Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.20**	**3.610.669.869.901**	**3.360.953.077.494**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*3.000.000.000.000*	*3.000.000.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		41.722.046.647	41.722.046.647
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		568.947.823.254	319.231.030.847
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*314.039.030.847*	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*254.908.792.407*	*319.231.030.847*
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**10.065.643.458.029**	**9.250.665.862.848**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Nguyễn Đức Tiến	Trần Thị Ngọc	Đặng Chính Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	195.029.144.833	221.965.954.130
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	9.468.998.000	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	185.560.146.833	221.965.954.130
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.2	124.335.748.925	153.544.308.011
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**61.224.397.908**	**68.421.646.119**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	322.146.249.757	111.688.204.922
7.	Chi phí tài chính	22	6.4	35.435.875.027	60.998.181.157
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*35.427.553.698*	*60.998.181.157*
8.	Chi phí bán hàng	25		291.611.371	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	28.173.152.433	23.952.192.132
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}**	**30**		**319.470.008.834**	**95.159.477.752**
11.	Thu nhập khác	31	6.6	1.601.632.255	3.061.152.733
12.	Chi phí khác	32	6.6	4.503.845.398	1.151.184.364
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**		**(2.902.213.143)**	**1.909.968.369**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)**	**50**		**316.567.795.691**	**97.069.446.121**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	61.659.003.284	4.015.981.245
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**254.908.792.407**	**93.053.464.876**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Nguyễn Đức Tiến	Trần Thị Ngọc	Đặng Chính Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
I.	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	*01*		***316.567.795.691***	***97.069.446.121***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		78.976.173.964	80.176.501.429
-	Lỗ, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.321.329	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(322.132.827.176)	(111.688.204.922)
-	Chi phí lãi vay	06		35.427.553.698	60.998.181.157
3.	***Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***108.847.017.506***	***126.555.923.785***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(143.548.836.003)	(67.506.946.265)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.877.845.799)	33.398.195
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		393.044.255.170	(185.893.895.643)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(100.506.609.161)	12.188.045.916
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(36.470.295.848)	(72.629.525.901)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(38.342.969.621)	(7.472.666.175)
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.552.433.000)	(5.478.134.200)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***167.592.283.244***	***(200.203.800.288)***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(141.295.820.012)	(201.961.929.926)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		1.908.690.968	-
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(990.700.000.000)	(389.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		161.957.057.386	431.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(67.311.260.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		260.000.000.000	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		490.868.066.874	72.515.114.479
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(284.573.264.784)***	***(87.446.815.447)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		332.613.042.257	761.568.925.781
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(184.384.216.466)	(372.962.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.621.000)	(54.041.847.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***148.218.204.791***	***334.565.078.281***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**31.237.223.251**	**46.914.462.546**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5.1**	**326.778.801.073**	**342.514.240.400**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**5.1**	**358.016.024.324**	**389.428.702.946**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Nguyễn Đức Tiến	Trần Thị Ngọc	Đặng Chính Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty IDICO - CTCP tiền thân là Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam được chuyển đổi thành Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp: 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/6/2010 với vốn điều lệ là 1.602.219.000.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - CTCP với vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 VND (*Ba ngàn tỷ Việt Nam đồng*), được chia thành 300.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật thông tin từ phường 6 sang phường Võ Thị Sáu và cập nhật mã ngành nghề đăng ký kinh doanh vào hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tên Tổng công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDICO CORPORATION - JSC.

Tên Tổng công ty viết tắt là: IDICO.

Cổ phiếu Tổng công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: IDC.

Trụ sở chính của IDICO tại: 151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Tổng công ty tại ngày 30/6/2021 là 248 người (tại ngày 31/12/2020: 250 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Tổng công ty IDICO - CTCP kinh doanh đúng theo các ngành nghề đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính trong kỳ: Đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp và sản xuất kinh doanh điện.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ tài chính

Từ đầu năm 2021, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với cùng kỳ năm trước thì doanh thu và kết quả hoạt động năm 2021 của Tổng công ty cũng bị sụt giảm. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, do chưa thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Tổng công ty chưa nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.

Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3 tạm ngừng vận hành từ ngày 28/10/2020 do bị ảnh hưởng của cơn bão số 9 theo Thông báo số 684/TCT-TCKT ngày 29/10/2020 của Tổng công ty IDICO và vận hành, phát điện trở lại kể từ ngày 13/8/2021.

Ngày 02/02/2021, Tổng công ty IDICO ban hành Nghị quyết số 02-2/NQ-TCT về việc điều chỉnh lộ trình thực hiện phương án xử lý sở hữu chéo tại các Công ty con của Tổng công ty theo Nghị quyết số 27/NQ-TCT ngày 29/6/2020. Kết quả thực hiện như sau:

+ Theo Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của nội bộ số 102/BC-TCT ngày 09/02/2021, Tổng công ty IDICO đã mua 2.494.920 cổ phiếu (tương ứng 10% vốn điều lệ) của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO (IDICO - IDI) theo phương thức giao dịch thỏa thuận. Theo đó, số lượng cổ phiếu nắm giữ của IDICO sau khi thực hiện giao dịch: 14.345.790 cổ phiếu, tăng tỷ lệ sở hữu từ 47,50% lên 57,50% vốn điều lệ IDICO - IDI.

+ Theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu ngày 22/3/2021 giữa Tổng công ty IDICO và Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và khu công nghiệp IDICO (IDICO - URBIZ). IDICO (bên Mua) và IDICO - URBIZ (bên Bán) đồng ý thực hiện việc chuyển nhượng cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Khu công nghiệp Quế Võ IDICO (IDICO - QUEVO) với số lượng cổ phiếu 800.000 cổ phiếu (tương ứng 10% vốn điều lệ), giá bán: 22.200 đồng/cổ phiếu.

+ Theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu ngày 22/3/2021 giữa Tổng công ty IDICO và Công ty cổ phần Đầu tư phát triển và đô thị IDICO (IDICO - UDICO). IDICO (bên Mua) và IDICO - UDICO (bên Bán) đồng ý thực hiện việc chuyển nhượng cổ phiếu IDICO - QUEVO với số lượng cổ phiếu 400.000 cổ phiếu (tương ứng 5% vốn điều lệ), giá bán: 22.200 đồng/cổ phiếu.

Theo đó, số lượng cổ phiếu nắm giữ của IDICO sau khi thực hiện giao dịch là: 4.394.920 cổ phiếu, tăng tỷ lệ sở hữu từ 39,94% lên 54,94 % vốn điều lệ IDICO - QUEVO.

+ Theo Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của nội bộ số 197/BC-TCT ngày 31/3/2021, Tổng công ty IDICO đã mua 200.000 cổ phiếu (tương ứng 10% vốn điều lệ) của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO (IDICO - INCON). Theo đó, số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 1.408.000 cổ phiếu, tăng tỷ lệ sở hữu từ 60,40% lên 70,40% vốn điều lệ IDICO - INCON.

+ Theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Đak Mi (DAK MI JSC) ngày 15/6/2021 giữa IDICO (bên Bán) và Công ty TNHH Tập đoàn BITEXCO (bên Mua) về việc chuyển nhượng cổ phiếu DAK MI JSC với số lượng 26.000.000 cổ phiếu (tương đương 26% vốn điều lệ tại DAK MI JSC), giá bán: 20.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, số lượng cổ phiếu IDICO nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là: 0 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 0% Vốn điều lệ kể từ ngày 18/6/2021. Do đó, DAK MI JSC không còn là Công ty liên kết của IDICO.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.5 Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 30/6/2021, Tổng công ty có các công ty con, công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Stt	Tên công ty	Tên công ty viết tắt	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
A.	**Các công ty con**						
1	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	IDICO - MCI	KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiền, H. Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	81,94%	81,94%	81,94%
2	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	IDICO - UDICO	Đường số 4, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiền, H.Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh điện và xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
3	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	IDICO - LINCO	Số 48, khu phố 3, phường An Hòa, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Đầu tư, kinh doanh bất động sản và xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
4	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	IDICO - CONAC	Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng KCN và xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
5	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	IDICO - INCO 10	Số 43A, đường 3/2, F.Xuân Khánh, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ	Xây lắp	96,83%	96,83%	96,83%
6	Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	IDICO - INCON	Số 100, đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, Q.Bình Thạnh, Tp. HCM	Tư vấn đầu tư xây dựng	70,40%	70,40%	70,40%
7	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO	IDICO - URBIZ	Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiền, H.Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng KCN và xây lắp	100,00%	100,00%	100,00%
8	Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	IDICO - SHP	Thôn 7, xã Long Bình, H.Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.	Sản xuất kinh doanh điện và nước sạch	51,00%	51,00%	51,00%
9	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	IDICO - IDI	Km 1906+700, Quốc lộ 1A, KP 5, phường Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, Tp.HCM	BOT giao thông, xây lắp	57,50%	57,50%	57,50%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.5 Cấu trúc Tổng công ty (Tiếp theo)

Stt	Tên công ty	Tên công ty viết tắt	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
10	Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	IDICO - ICC	Số 48, khu phố 3, F.An Hòa, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Xây lắp	100,00%	100,00%	100,00%
11	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quế Võ IDICO	IDICO - QUE VO	Tầng 13, Tòa nhà HH3, Đường Mễ Trì, F.Mỹ Đình 1, Q.Nam Từ Liêm, Tp.Hà Hội	Kinh doanh hạ tầng KCN	54,94%	54,94%	54,94%
12	Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	IDICO - TCC	Số 304, đường Trần Hưng Đạo, Tp.Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Xây lắp	93,26%	93,26%	93,26%
B.	**Các công ty liên doanh, liên kết**						
1	Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ	BVEC	Km 11, quốc lộ 51, xã Tam Phước, Tp.Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai	BOT giao thông và vật liệu xây dựng	49,00%	49,00%	49,00%
2	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	LAMA IDICO	Km 23, QL 51, Ấp 1, xã Long An, H.Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Gia công cơ khí và lắp đặt thiết bị	30,13%	20,13%	30,13%
3	Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ	PFG	Lô B2, Đường D3, KCN Phú Mỹ 2 mở rộng, F.Tân Phước, TX.Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất kính Công nghiệp	30,00%	30,00%	30,00%
C.	**Các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty IDICO - CTCP**						
1	Chi nhánh IDICO - Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3	IDICO - DAK MI 3	133 Phạm Văn Đồng, thị trấn Khâm Đức, H.Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.	Quản lý vận hành Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3			
2	Chi nhánh IDICO tại Hà Nội	IDICO - HA NOI	Tầng 13 - Tòa nhà SUDICO, Đường Mễ Trì- Mỹ Đình, F.Mỹ Đình I, Q.Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Xây lắp công trình dân dụng			
3	Chi nhánh IDICO tại Miền Đông	IDICO - IEB	Tầng 3 tòa nhà IDICO-URBIZ, KCN Nhơn Trạch 1, Xã Hiệp Phước, H.Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Quản lý hạ tầng Khu công nghiệp			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Tổng công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tổng công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ quan Tổng công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các loại tỷ giá hối đoái áp dụng

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 30/6/2021.

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán,

(ii) vay,..): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 30/6/2021.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc kế toán tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng công ty có ánh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để Xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2014. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kể từ ngày 01/3/2018 (Tổng công ty IDICO chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần), giá trị khấu hao của tài sản cố định trong kỳ được tính bằng giá trị còn lại của tài sản tại ngày 01/3/2018 chia cho thời gian khấu hao còn lại của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50
Máy móc, thiết bị	08-10
Thiết bị văn phòng	03-05
Phương tiện vận tải	08-10
Hệ thống đường, thoát nước Khu công nghiệp	05-20

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3: Thời gian bắt đầu tính khấu hao từ thời điểm phát điện thương mại theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25/8/2017 của Chính phủ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất, chi phí san nền, đền bù và giải phóng mặt bằng của Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, Khu công nghiệp Phú Mỹ 2, Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng, Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3, Khu công nghiệp Cầu Nghìn. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo thời gian được thuê đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng công ty bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất tại các khu công nghiệp:

Tiền thuê đất trả trước tại các khu công nghiệp phản ánh tiền thuê đất trả trước cho Nhà nước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 (tỉnh Đồng Nai) sẽ được phân bổ từ năm 2022-2053 và Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu) sẽ được phân bổ từ năm 2034-2055; là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần đối với diện tích đất đã cho thuê lại, thu tiền một lần theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2016. Tại ngày 30/6/2021, Tổng công ty đang trong giai đoạn được miễn tiền thuê đất nên Tổng công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh (tỉnh Long An) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ từ ngày 08/8/2034 đến ngày 06/8/2069. Tại ngày 30/6/2021, Tổng công ty đang trong giai đoạn đầu tư và được miễn tiền thuê đất nên Tổng công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng và công cụ dụng cụ phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ, giá trị công cụ dụng cụ đã phân bổ 100% được đánh giá lại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Giá trị lợi thế tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu

Giá trị lợi thế tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu được ghi nhận theo số liệu Biên bản Điều chỉnh kết quả Thẩm tra Xác định giá trị doanh nghiệp theo Phương pháp tài sản của Tổng công ty tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015 của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đã ký ngày 29/9/2016. Giá trị lợi thế tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm và bắt đầu phân bổ vào thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Tại ngày 30/6/2021, Tổng công ty đã phân bổ hết giá trị này vào chi phí.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng công ty và người bán (là đơn vị độc lập bao gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay tổng hợp cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mức kế toán "Chi phí đi vay".

Trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021, có 29.901.788.729 VND (cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020: 15.972.485.586 VND) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Tổng công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay liên quan đến Nhà máy thủy điện Đak Mi 3, các khu công nghiệp.
- Chi phí thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng từ doanh thu tiền điện.
- Chi phí Nhà máy xử lý nước thải Phú Mỹ 2.
- Các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê cơ sở hạ tầng); không bao gồm: Tiền nhận trước của người mua mà Tổng công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu hạ tầng Khu công nghiệp:

Doanh thu từ việc cho thuê hạ tầng trong Khu công nghiệp được ghi nhận trên cơ sở bàn giao hạ tầng cho bên thuê được bên thuê chấp thuận thanh toán. Tiền thuê đất được trả trước và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê.

Doanh thu kinh doanh điện

Doanh thu kinh doanh điện được xác định và ghi nhận dựa trên vào bảng kê sản lượng điện hợp đồng theo từng giờ, từng ngày và giá bán theo Hợp đồng mua bán điện số 03/2017/HĐ-NMĐ-Đak Mi 3 ngày 31/3/2017 giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Tổng công ty IDICO về việc mua bán điện Nhà máy thủy điện Đak Mi 3.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ và kinh doanh điện là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, bất; giá thành sản xuất điện trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.3 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

	Tỷ lệ		Tại ngày 30/6/2021 (VND)			Tại ngày 01/01/2021 (VND)		
Đối tượng đầu tư	**Vốn nắm giữ (%)**	**Quyền biểu quyết (%)**	**Giá gốc**	**Giá trị hợp lý**	**Dự phòng**	**Giá gốc**	**Giá trị hợp lý**	**Dự phòng**
II. Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			**434.730.017.481**		**(23.056.614.780)**	**694.730.017.481**		**(23.056.614.780)**
BVEC (vi)	49%	49%	150.712.000.000		(23.056.614.780)	150.712.000.000		(23.056.614.780)
LAMA IDICO (vi)	20,13%	20,13%	18.218.017.481		-	18.218.017.481		-
DAK MI JSC (iv)						260.000.000.000		-
PFG (vi)	30,00%	30%	265.800.000.000		-	265.800.000.000		-
III. Đầu tư vào đơn vị khác			**112.409.084.484**	**83.588.388.800**	**(2.440.026.737)**	**112.409.084.484**	**86.814.491.800**	**(2.440.026.737)**
CUONG THUAN IDICO (vi)	1,22%	1,22%	8.393.000.000	11.858.000.000	-	8.393.000.000	11.935.000.000	-
LONG SON PIC (v)	8,54%	8,54%	28.256.416.000	67.815.388.800	-	28.256.416.000	74.879.491.800	-
IUV (vi)	7,17%	7,17%	10.217.858.042		(2.440.026.737)	10.217.858.042		(2.440.026.737)
VINA UIC JSC (vi)	8,91%	8,91%	3.119.400.000		-	3.119.400.000		-
NAGECCO (v)	5,00%	5,00%	2.951.688.000	3.915.000.000	-	2.951.688.000	-	-
DTC (vi)	4,57%	4,57%	14.470.722.442		-	14.470.722.442		-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Mỹ Xuân (vi)	15,00%	15,00%	45.000.000.000		-	45.000.000.000		-
Tổng			**1.730.822.821.835**	**1.211.700.462.300**	**(59.540.166.917)**	**1.923.511.561.835**	**1.079.724.241.300**	**(59.540.166.917)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.3 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Ngày 02/02/2021, IDICO ban hành Nghị quyết số 02-2/NQ-TCT về việc điều chỉnh thời gian xử lý sở hữu chéo tại các Công ty con của Tổng công ty:

(i) Theo Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của nội bộ số 102/BC-TCT ngày 09/02/2021, Tổng công ty IDICO đã mua 2.494.920 cổ phiếu (tương ứng 10% vốn điều lệ) của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO (IDICO - IDI) theo phương thức giao dịch thỏa thuận. Theo đó, số lượng cổ phiếu nắm giữ của IDICO sau khi thực hiện giao dịch: 14.345.790 cổ phiếu, tăng tỷ lệ sở hữu từ 47,50% lên 57,50% vốn điều lệ IDICO - IDI.

(ii) Tổng công ty IDICO đã nhận số cổ phiếu của IDICO - URBIZ và IDICO - UDICO đã đầu tư tại IDICO-QUEVO) như sau:

+ Theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu ngày 22/3/2021 giữa Tổng công ty IDICO và IDICO - URBIZ. IDICO (bên Mua) và IDICO - URBIZ (bên Bán) đồng ý thực hiện việc chuyển nhượng cổ phiếu IDICO-QUEVO với số lượng cổ phiếu 800.000 cổ phiếu (tương ứng 10% vốn điều lệ), giá bán: 22.200 đồng/cổ phiếu.

+ Theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu ngày 22/3/2021 giữa Tổng công ty IDICO và IDICO - UDICO. IDICO (bên Mua) và IDICO - UDICO (bên Bán) đồng ý thực hiện việc chuyển nhượng cổ phiếu IDICO - QUEVO với số lượng cổ phiếu 400.000 cổ phiếu (tương ứng 5% vốn điều lệ), giá bán: 22.200 đồng/cổ phiếu.

Theo đó, số lượng cổ phiếu nắm giữ của IDICO sau khi thực hiện giao dịch là: 4.394.920 cổ phiếu, tăng tỷ lệ sở hữu từ 39,94% lên 54,94 % vốn điều lệ IDICO-QUEVO.

(iii) Theo Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của nội bộ số 197/BC-TCT ngày 31/3/2021, Tổng công ty IDICO đã mua 200.000 cổ phiếu (tương ứng 10% vốn điều lệ) của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO (IDICO - INCON). Theo đó, số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 1.408.000 cổ phiếu, tăng tỷ lệ sở hữu từ 60,40% lên 70,40% vốn điều lệ IDICO - INCON.

(iv) Theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Đak Mi (DAK MI JSC) ngày 15/6/2021 giữa IDICO (bên Bán) và Công ty TNHH Tập đoàn BITEXCO (bên Mua) về việc chuyển nhượng cổ phiếu DAK MI JSC với số lượng 26.000.000 cổ phiếu (tương đương 26% vốn điều lệ tại DAK MI JSC), giá bán: 20.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, số lượng cổ phiếu IDICO nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là: 0 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 0% Vốn điều lệ kể từ ngày 18/6/2021. Do đó, DAK MI JSC không còn là Công ty liên kết của IDICO.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 30/6/2021 được trình bày:

(v) Tổng công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và số lượng cổ phiếu mà Tổng công ty đang nắm giữ.

(vi) Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

Các giao dịch chủ yếu giữa Tổng công ty và các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 7.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.4 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty mua bán điện (i)	15.318.054.203	18.891.218.455
Công ty TNHH Trịnh Gia Thịnh	21.169.078.470	10.425.238.629
Phải thu của khách hàng khác	77.115.774.786	76.419.265.153
Tổng	**113.602.907.459**	**105.735.722.237**
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan *(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)*	***225.395.625***	***147.330.000***

(i) Là khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh điện của Tổng công ty IDICO - CTCP tại Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3.

5.5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
IDICO - LINCO	13.844.544.552	-
IDICO - ICC	1.609.557.325	1.609.557.325
C.ty TNHH Đầu tư XD và công nghệ MT Dương Nhật	10.103.670.066	-
IDICO - TCC	1.165.963.418	2.118.891.599
Các đối tượng còn lại	46.442.940.496	3.787.075.552
Tổng	**73.166.675.857**	**7.515.524.476**
Trong đó: Trả trước cho người bán các bên liên quan *(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)*	***16.620.065.295***	***2.118.891.599***

5.6 PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	**108.800.000.000**	**105.557.057.386**
DAK MI JSC	-	71.957.057.386
IDICO - SHP	30.000.000.000	30.000.000.000
IDICO - MCI	23.800.000.000	3.600.000.000
IDICO-LINCO	55.000.000.000	-
b) Dài hạn	**17.740.000.000**	**2.240.000.000**
IDICO - SHP	8.000.000.000	-
IDICO - TCC	9.740.000.000	2.240.000.000
Tổng	**126.540.000.000**	**107.797.057.386**
Trong đó: Phải thu cho vay các bên liên quan *(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)*	***126.540.000.000***	***107.797.057.386***

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.7 PHẢI THU KHÁC

	Tại ngày 30/6/2021 (VND)		Tại ngày 01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	**132.255.583.995**	-	**294.877.119.487**	-
- Lãi dự thu của các ngân hàng	14.313.376.987	-	7.438.287.673	-
- Tạm ứng	2.143.873.127	-	474.269.127	-
- Ký cược, ký quỹ	1.000.000	-	282.806.000	-
- Phải thu khác (i)	115.797.333.881	-	286.681.756.687	-
b) Dài hạn	**110.417.500.000**	-	**10.417.500.000**	-
- Ký cược, ký quỹ	110.417.500.000	-	10.417.500.000	-
Tổng	**242.673.083.995**	-	**305.294.619.487**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.7 PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

(i) Chi tiết số dư phải thu khác theo đối tượng	Tại ngày 30/6/2021 (VND)		Tại ngày 01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	115.797.333.881	-	**286.681.756.687**	-
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Đức Hòa	38.283.806.391	-	33.440.850.343	-
IDICO - URBIZ	19.424.040.684	-	15.328.764.297	-
IDICO - LINCO	5.201.863.014	-	8.721.000.000	-
IDICO - MCI	2.260.431.264	-	1.740.652.635	-
IDICO - INCO 10	8.152.386.645	-	8.152.386.645	-
DAK MI JSC	-	-	152.598.921.968	-
IDICO - SHP	32.052.191.781	-	41.923.361.111	-
IDICO - CONAC	4.080.000.000	-	8.160.000.000	-
IDICO - IDI	-	-	11.850.870.000	-
IDICO - INCON	600.000.000	-	1.812.000.000	-
IDICO - TCC	346.757.700	-	243.583.124	-
IDICO - ICC	2.816.962.261	-	-	-
Đối tượng khác	2.578.894.141	-	2.709.366.564	-
Tổng	**115.797.333.881**	-	**286.681.756.687**	-
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan *(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)*	***74.934.633.349***		***250.531.539.780***	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.8 NỢ XẤU

	Tại ngày 30/6/2021 (VND)		Tại ngày 01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	**10.330.633.955**	**3.743.204.498**	**9.043.991.509**	**2.456.562.052**
Công ty TNHH Sản xuất Hammer	2.953.260.485	16.698.875	2.954.027.701	17.466.091
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bảo Toàn	2.060.857.976	-	2.060.857.976	-
Công ty TNHH ACOTEC Hoàng Vũ	5.316.515.494	3.726.505.623	4.029.105.832	2.439.095.961
Phải thu khác quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	**10.412.817.909**	**900.467.153**	**9.893.039.280**	**380.688.524**
IDICO -INCO 10	8.152.386.645	-	8.152.386.645	-
IDICO - MCI	2.260.431.264	900.467.153	1.740.652.635	380.688.524
Tổng	**20.743.451.864**	**4.643.671.651**	**18.937.030.789**	**2.837.250.576**

5.9 HÀNG TỒN KHO

	Tại ngày 30/6/2021 (VND)		Tại ngày 01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	661.930.061	-	232.738.862	-
Công cụ, dụng cụ	13.971.000	-	34.314.400	-
Hàng hóa bất động sản	9.468.998.000	-	-	-
Tổng	**10.144.899.061**	**-**	**267.053.262**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2021	**1.684.858.091.232**	**508.050.677.489**	**44.062.066.443**	**1.282.942.812**	**14.174.205.105**	**2.252.427.983.081**
Tăng trong kỳ	**10.921.411.279**	**7.529.547.215**	**-**	**677.829.545**	**-**	**19.128.788.039**
Mua trong kỳ	-	81.611.000	-	677.829.545	-	759.440.545
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	10.921.411.279	7.447.936.215	-	-	-	18.369.347.494
Giảm trong kỳ	**-**	**-**	**2.663.040.000**	**-**	**-**	**2.663.040.000**
Thanh lý nhượng bán	-	-	2.663.040.000	-	-	2.663.040.000
Số dư tại ngày 30/6/2021	**1.695.779.502.511**	**515.580.224.704**	**41.399.026.443**	**1.960.772.357**	**14.174.205.105**	**2.268.893.731.120**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2021	**566.949.493.854**	**186.578.863.518**	**25.789.961.885**	**1.115.867.749**	**13.370.584.544**	**793.804.771.550**
Tăng trong kỳ	**37.621.922.183**	**20.494.418.035**	**1.880.637.870**	**41.041.700**	**49.567.845**	**60.087.587.633**
Khấu hao trong kỳ	37.621.922.183	20.494.418.035	1.880.637.870	41.041.700	49.567.845	60.087.587.633
Giảm trong kỳ	**-**	**-**	**740.926.451**	**-**	**-**	**740.926.451**
Thanh lý nhượng bán	-	-	740.926.451	-	-	740.926.451
Số dư tại ngày 30/6/2021	**604.571.416.037**	**207.073.281.553**	**26.929.673.304**	**1.156.909.449**	**13.420.152.389**	**853.151.432.732**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2021	**1.117.908.597.378**	**321.471.813.971**	**18.272.104.558**	**167.075.063**	**803.620.561**	**1.458.623.211.531**
Tại ngày 30/6/2021	**1.091.208.086.474**	**308.506.943.151**	**14.469.353.139**	**803.862.908**	**754.052.716**	**1.415.742.298.388**

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/6/2021 là 1.600.774.152.381 VND (tại ngày 31/12/2020 là 1.224.927.767.099 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2021 là 164.446.154.448 VND (tại ngày 31/12/2020 là 97.700.029.599 VND)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	**1.630.299.521.573**	**1.630.299.521.573**
Tăng trong kỳ	**4.325.666.817**	**4.325.666.817**
Xây dựng cơ bản hoàn thành	4.325.666.817	4.325.666.817
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	**1.634.625.188.390**	**1.634.625.188.390**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	**276.580.571.404**	**276.580.571.404**
Tăng trong kỳ	**18.888.586.331**	**18.888.586.331**
Khấu hao trong kỳ	18.888.586.331	18.888.586.331
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	**295.469.157.735**	**295.469.157.735**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2021	**1.353.718.950.169**	**1.353.718.950.169**
Tại ngày 30/6/2021	**1.339.156.030.655**	**1.339.156.030.655**

Giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/6/2021 là 1.206.598.985.115 VND (tại ngày 31/12/2020 là 1.223.422.077.802 VND)

5.12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Chi mua sắm	-	**30.363.636**
b) Chi xây dựng cơ bản dở dang	**3.249.691.797.160**	**3.131.820.068.368**
Khu công nghiệp Hựu Thạnh	2.432.431.574.254	2.322.129.394.499
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	482.502.945.336	475.548.196.349
Khu công nghiệp Cầu Nghìn	114.930.428.753	108.246.534.977
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	107.859.302.373	101.504.689.195
Khu tái định cư Khu công nghiệp Hựu Thạnh	60.849.805.807	60.040.898.827
Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	14.356.176.609	18.681.843.426
Nhà máy thủy điện Đak Mi 3	7.519.702.234	7.519.702.234
Khu công nghiệp Mỹ Xuân A mở rộng	24.801.909.672	16.238.883.372
Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	3.436.226.004	21.065.162.628
Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	844.762.861	844.762.861
Nhà máy xử lý nước thải KCN Hựu Thạnh	158.963.257	-
Tổng	**3.249.691.797.160**	**3.131.850.432.004**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	**395.423.415**	**4.070.824.321**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	233.589.848	149.708.947
Giá trị lợi thế kinh doanh	-	579.184.564
Các khoản khác	161.833.567	3.341.930.810
b) Dài hạn	**423.676.164.131**	**319.494.154.064**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí khác	3.915.006.232	4.862.260.766
Chi phí trả trước tiền thuê đất	305.559.508.954	305.559.508.954
Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 từ năm 2022 đến năm 2053 (i)	*84.824.213.123*	*84.824.213.123*
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 từ năm 2034 đến năm 2055 (i)	*139.754.811.831*	*139.754.811.831*
Khu công nghiệp Hựu Thạnh từ ngày 06/8/2034 đến ngày 06/8/2069 (ii)	*80.980.484.000*	*80.980.484.000*
Chi phí cải tạo sửa chữa Nhà máy thủy điện Đak Mi 3	183.921.914	429.230.451
Chi phí khắc phục sự cố Nhà máy thủy điện Đak Mi 3	114.017.727.031	8.643.153.893
Tổng	**424.071.587.546**	**323.564.978.385**

(i) Chi phí trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 (tỉnh Đồng Nai) sẽ được phân bổ từ năm 2022-2053 và tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) sẽ được phân bổ từ năm 2034-2055 là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần đối với diện tích đất đã cho thuê lại, thu tiền một lần theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2016. Tại ngày 30/6/2021, Tổng công ty đang trong giai đoạn được miễn tiền thuê đất nên Tổng công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

(ii) Chi phí trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh (tỉnh Long An) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ từ ngày 08/8/2034 đến ngày 06/8/2069. Tại ngày 30/6/2021, Tổng công ty đang trong giai đoạn đầu tư và được miễn tiền thuê đất nên Tổng công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Phải nộp	**27.177.497.985**	**77.171.109.488**	**56.207.325.476**	**48.141.281.997**
Thuế GTGT	28.732.778	10.014.532.911	9.914.910.032	128.355.657
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.310.802.338	61.659.003.284	38.342.969.621	47.626.836.001
Thuế thu nhập cá nhân	2.499.182.393	1.912.963.716	4.364.836.246	47.309.863
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	159.516.209	66.991.288	66.991.288	159.516.209
Các loại thuế khác	179.264.267	3.517.618.289	3.517.618.289	179.264.267
Phải thu	**93.782.244**	**93.782.244**	**118.907.050**	**118.907.050**
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	93.782.244	93.782.244	118.907.050	118.907.050

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại ngày 30/6/2021 (VND)		Tại ngày 01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	4.411.647.135	4.411.647.135	5.310.846.424	5.310.846.424
IDICO - UDICO	2.646.976.957	2.646.976.957	2.650.578.327	2.650.578.327
IDICO - LINCO	1.107.519.126	1.107.519.126	46.921.138.620	46.921.138.620
IDICO - URBIZ	15.804.875	15.804.875	69.215.519.127	69.215.519.127
IDICO - INCON	1.632.085.490	1.632.085.490	1.334.987.293	1.334.987.293
IDICO - MCI	1.934.247.860	1.934.247.860	2.030.783.435	2.030.783.435
IDICO - TCC	-	-	558.772.767	558.772.767
IDICO - ICC	-	-	4.814.336.237	4.814.336.237
Công ty TNHH MTV Trường Hóa	-	-	1.223.007.500	1.223.007.500
Các đối tượng khác	42.070.907.806	42.070.907.806	21.508.576.595	21.508.576.595
Tổng	**53.819.189.249**	**53.819.189.249**	**155.568.546.325**	**155.568.546.325**
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan *(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)*	***7.336.634.308***	***7.336.634.308***	***126.967.343.039***	***126.967.343.039***

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Trích trước chi phí lãi vay dự trả:	7.640.515.466	8.683.257.616
- Nhà máy thủy điện Đak Mi 3	*6.500.277.911*	*7.109.444.577*
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	*1.115.988.133*	*1.449.167.011*
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	*24.249.422*	*102.148.855*
- Khu công nghiệp Hựu Thạnh	-	*21.339.739*
- Khu công nghiệp Cầu Nghìn	-	*1.157.434*
Trích trước chi phí thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng từ doanh thu tiền điện	-	1.250.266.752
Chi phí công trình Mở rộng Quốc lộ 1A Km 848 +875 - Km 890 +200 Thừa Thiên Huế	1.069.912.441	1.069.912.441
Trích trước chi phí Nhà máy xử lý nước thải Phú Mỹ 2	748.387.558	748.387.558
Chi phí phải trả khác	333.502.009	445.107.655
Tổng	**9.792.317.474**	**12.196.932.022**

5.17 PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Kinh phí công đoàn	235.439.058	65.733.000
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	22.944.895	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	38.728.091.461	6.809.731.146
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	163.001.500	173.622.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác (i)	45.286.567.342	46.519.216.290
Tổng	**84.436.044.256**	**53.568.302.936**

(i) Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Ban Điều hành dự án Khu căn hộ cao tầng Tân Phú IDICO	-	797.586.933
Công ty CP Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh (ii)	45.103.258.837	45.103.258.837
Phải trả ngắn hạn khác	183.308.505	618.370.520
Tổng	**45.286.567.342**	**46.519.216.290**

(ii) Hoàn trả theo Thỏa thuận ngày 22/8/2019 giữa Tổng công ty IDICO và Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh (Đại Quang Minh) về việc hoàn trả các chi phí liên quan đến khu đất khoảng 26,4ha nằm về phía Bắc Quốc lộ 10 thuộc Dự án Khu công nghiệp Cầu Nghìn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại ngày 30/6/2021 (VND)		Trong kỳ (VND)		Tại ngày 01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	**151.966.148.731**	**151.966.148.731**	**122.066.985.391**	**60.000.000.000**	**89.899.163.340**	**89.899.163.340**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM **(i)**	92.885.017.740	92.885.017.740	62.985.854.400	60.000.000.000	89.899.163.340	89.899.163.340
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế **(ii)**	42.954.235.401	42.954.235.401	42.954.235.401	-	-	-
Ngân hàng Shinhan Bank Việt Nam - Chi nhánh TPHCM **(iii)**	16.126.895.590	16.126.895.590	16.126.895.590	-	-	-
b) Nợ dài hạn đến hạn trả	**160.929.696.855**	**160.929.696.855**	**92.198.000.000**	**124.384.216.466**	**193.115.913.321**	**193.115.913.321**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM **(iv)**	64.396.000.000	64.396.000.000	32.198.000.000	32.198.000.000	64.396.000.000	64.396.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai **(vi)**	16.533.696.855	16.533.696.855	-	30.000.000.000	46.533.696.855	46.533.696.855
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai	-	-	-	2.186.216.466	2.186.216.466	2.186.216.466
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Quảng Nam **(vii)**	80.000.000.000	80.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
c) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**1.270.804.084.350**	**1.270.804.084.350**	**210.546.056.866**	**92.198.000.000**	**1.152.456.027.484**	**1.152.456.027.484**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM **(iv)**	96.593.000.000	96.593.000.000	-	32.198.000.000	128.791.000.000	128.791.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM **(v)**	613.964.833.235	613.964.833.235	210.546.056.866	-	403.418.776.369	403.418.776.369
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Quảng Nam **(vii)**	560.246.251.115	560.246.251.115	-	60.000.000.000	620.246.251.115	620.246.251.115
Tổng	**1.583.699.929.936**	**1.583.699.929.936**	**424.811.042.257**	**276.582.216.466**	**1.435.471.104.145**	**1.435.471.104.145**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(i) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM

Số hợp đồng	:	Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2020/378281/HĐTC ký ngày 13/01/2020. PL 01-01/2020/378281/HĐTC ký ngày 19/8/2020 Giá trị hạn mức thấu chi là 110.000.000.000 VND.
Mục đích vay	:	Bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh
Thời hạn thấu chi	:	Tài khoản thanh toán được phép duy trì trạng thái âm (-) liên tục tối đa 59 ngày và phải nằm trong thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi.
Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi:	:	Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2020.
Lãi suất	:	Lãi suất trong hạn là 5,8%/năm cố định trong thời gian hiệu lực của hạn mức thấu chi. Lãi suất quá hạn tối đa 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng kể từ ngày quá hạn. Lãi suất chậm trả là 10%/năm.
Tài sản đảm bảo	:	Bên vay cầm cố các Hợp đồng tiền gửi/Hợp đồng cho vay/Giấy tờ có giá sau để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ vay tại ngân hàng:

Stt	Tên tài sản cầm cố	Số hợp đồng	Giá trị (VND)
1	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	004/2019/HĐTG.310.378281	45.000.000.000
2	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	003/2019/HĐTG.310.378281	40.000.000.000
3	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	002/2019/HĐTG.310.378281	30.000.000.000

Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2021 : 92.885.017.740 VND

(ii) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế

Số hợp đồng	:	Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 02/2020/378281/HĐ ký ngày 31/3/2021 Tổng hạn mức cho vay là 60.000.000.000 VND.
Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh
Thời hạn vay	:	Tối đa 59 ngày và nằm trong thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi
Lãi suất	:	5,8%/năm (được áp dụng đến ngày 01/6/2021) và sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng.
Tài sản đảm bảo	:	Doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ vay thấu chi tại Ngân hàng; cầm cố các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và các tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của Tổng công ty và các tài sản khác huy động của bên thứ ba.
Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2021	:	42.954.235.401 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(iii) Vay ngắn hạn của Ngân hàng Shinhan Bank Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM

Số hợp đồng	:	Hợp đồng tín dụng SHBVN/CMC/232020/HDTD ngày 25/11/2020 Tổng hạn mức cho vay là 150.000.000.000 VND.
Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động liên quan đến chi phí xây dựng Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 và Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 Mở rộng.
Thời hạn vay	:	Không quá 09 tháng và được quy định cụ thể tại từng đơn rút vốn kiêm Khế ước nhận nợ.
Lãi suất	:	Tham chiếu có kỳ hạn 03 tháng cộng + biên độ 0,42%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần trong suốt thời hạn vay.
Tài sản đảm bảo	:	Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn giá trị tối đa 75 tỷ VND; toàn bộ các khoản phải thu phát sinh từ việc cho thuê đất tại Khu công nghiệp Mỹ Xuân A và Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5; toàn bộ các khoản phải thu phát sinh từ việc cho thuê lại 10.000 m^2 đất tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 Mở rộng.
Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2021	:	16.126.895.590 VND

(iv) Vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Số hợp đồng	:	Hợp đồng tín dụng khung số 43/2015/378281/HĐTDK và hợp đồng tín dụng thành phần số 1- 43/2015/378281/HĐTDTP01; số 2-43/2015/378281/HĐTDTP01 và số 3-43/2015/378281/HĐTDTP01 ký ngày 28/09/2015. Tổng hạn mức cho vay là 328.000.000.000 VND.
Mục đích vay	:	Vay tài trợ dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng do Tổng công ty làm chủ đầu tư
Thời hạn vay	:	Thời hạn vay 96 tháng (8 năm) kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời hạn rút vốn 90 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng khung. Thời gian ân hạn 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng tín dụng thành phần này.
Lãi suất	:	Lãi suất trong hạn là lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ niêm yết tại ngân hàng tại thời điểm rút vốn vay (hoặc vào thời điểm điều chỉnh lãi suất khi đến kỳ điều chỉnh lãi) +3,2%. Lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần. Lãi suất nợ quá hạn tối đa 150% lãi suất trong hạn.
Tài sản đảm bảo	:	Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai là dự án (bao gồm cả tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của bên vay)
Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2021	:	160.989.000.000 VND (Trong đó: nợ dài hạn đến hạn trả là 64.396.000.000 VND và nợ dài hạn là 96.593.000.000 VND)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(v) Vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Số hợp đồng	:	Hợp đồng tín dụng khung số 01/2018/378281/HĐTD ngày 24/9/2018. Tổng hạn mức cho vay là 1.500.000.000.000 VND.
Mục đích vay	:	Thanh toán các chi phí hợp lệ, hợp pháp để đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Hựu Thạnh.
Thời hạn vay	:	Thời hạn vay 9 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời hạn rút vốn 05 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời gian ân hạn 3 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.
Lãi suất	:	Lãi suất trong hạn là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ niêm yết tại ngân hàng tại thời điểm rút vốn vay (hoặc vào thời điểm điều chỉnh lãi suất khi đến kỳ điều chỉnh lãi) +3,2%. Lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần. Lãi suất nợ quá hạn tối đa 150% lãi suất trong hạn.
Tài sản đảm bảo	:	Chủ yếu toàn bộ tài sản hình thành từ vốn tự có, vốn vay, vốn khác để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng và tài sản hình thành từ vốn vay.
Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2021	:	613.964.833.235 VND

(vi) Vay trung hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Đồng Nai

Số hợp đồng	:	Hợp đồng tín dụng khung số 29/2013//HĐTD ngày 24/9/2013. Trị giá hợp đồng vay: 190.000.000.000 VND và Phụ lục hợp đồng số 01/2015/378281/PLHĐTD ngày 16/12/2015. Giá trị phụ lục hợp đồng vay: 100.000.000.000 VND.
Mục đích vay	:	Thanh toán các chi phí thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Phú Mỹ II (giai đoạn 2)
Thời hạn vay	:	Thời hạn vay 84 tháng (7 năm) kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời gian ân hạn 3 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.
Lãi suất	:	Lãi suất vay áp dụng theo Thông báo của BIDV Đồng Nai tại thời điểm rút vốn, lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng/lần theo thông báo của BIDV Đồng Nai tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất nợ trong hạn.
Tài sản đảm bảo	:	Chủ yếu thế chấp toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư (Bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay BIDV và vốn tự có tương ứng của bên vay) của dự án và các quyền thu phí hạ tầng cho thuê lại đất Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (giai đoạn 2)
Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2021	:	16.533.696.855 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(vii) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - các Chi nhánh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Quảng Trị, và Thành phố Đà Nẵng

Số hợp đồng	:	Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTD-ĐM3 ngày 09/3/2015 có hạn mức tín dụng 1.047.000.000.000 VND
Mục đích vay	:	Để thực hiện Dự án Thủy điện Đak Mi 3
Thời hạn vay	:	Thời hạn vay 15 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.
Lãi suất	:	Lãi suất được tính bằng lãi suất tiết kiệm bình quân có kỳ hạn 12 tháng và lãi suất biên là 3,5%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất nợ trong hạn.
Tài sản đảm bảo	:	Khoản vay được bảo đảm bằng Tài sản dự án
Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2021	:	640.246.251.115 VND (Trong đó: nợ dài hạn đến hạn trả là 80.000.000.000 VND và nợ dài hạn là 560.246.251.115 VND)

5.19 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	**206.081.292.035**	**129.102.193.229**
Doanh thu nhận trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp:		
- Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 5	55.846.796.022	46.729.375.899
- Khu Công nghiệp Phú Mỹ 2	74.629.426.644	42.394.800.420
- Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A	43.981.709.178	29.029.558.518
- Khu Công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	30.834.380.663	10.268.478.864
- Khu Công nghiệp Cầu Nghìn	788.979.528	679.979.528
b) Dài hạn	**4.457.013.636.691**	**4.048.866.204.382**
Doanh thu nhận trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp:		
- Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 5	1.418.512.183.481	1.441.876.871.431
- Khu Công nghiệp Phú Mỹ 2	1.531.226.418.217	1.416.748.011.384
- Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A	773.387.219.795	786.987.277.741
- Khu Công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	706.715.646.966	375.741.885.830
- Khu Công nghiệp Cầu Nghìn	27.172.168.232	27.512.157.996
Tổng	**4.663.094.928.726**	**4.177.968.397.611**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (ii)	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2020	**3.000.000.000.000**	**41.722.046.647**	**114.252.127.448**	**3.155.974.174.095**
Tăng trong năm	-	-	**319.231.030.847**	**319.231.030.847**
Lãi trong năm	-	-	319.231.030.847	319.231.030.847
Giảm trong năm	-	-	**114.252.127.448**	**114.252.127.448**
Chia cổ tức 2019	-	-	90.000.000.000	90.000.000.000
Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	22.252.127.448	22.252.127.448
Số dư tại ngày 31/12/2020	**3.000.000.000.000**	**41.722.046.647**	**319.231.030.847**	**3.360.953.077.494**
Số dư tại ngày 01/01/2021	**3.000.000.000.000**	**41.722.046.647**	**319.231.030.847**	**3.360.953.077.494**
Tăng trong kỳ	-	-	**254.908.792.407**	**254.908.792.407**
Lãi trong kỳ	-	-	254.908.792.407	254.908.792.407
Giảm trong kỳ	-	-	**5.192.000.000**	**5.192.000.000**
Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp (i)	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	3.192.000.000	3.192.000.000
Số dư tại ngày 30/6/2021	**3.000.000.000.000**	**41.722.046.647**	**568.947.823.254**	**3.610.669.869.901**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(i) IDICO thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28/4/2021 như sau:

- Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp: 2.000.000.000 VND

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3.192.000.000 VND (tương đương 1% Lợi nhuận sau thuế năm 2020)

- Đại hội đồng cổ đông thống nhất chưa chia cổ tức của năm 2020 để có dòng tiền thực hiện các dự án đầu tư đang trong giai đoạn khẩn trương đền bù giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng nhằm phát huy hiệu quả của dự án như: Khu công nghiệp Hựu Thạnh, Khu công nghiệp Cầu Nghìn…,.

(ii) Theo Nghị quyết ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ IDICO từ 3.000.000.000.000 VND lên 4.500.000.000.000 VND, số lượng cổ phần phát hành thêm 150.000.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần, giá phát hành 15.000 VND/cổ phần. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, IDICO chưa có văn bản nào khác với Nghị quyết ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/6/2021			Tại ngày 01/01/2021		
Đối tượng	**Tỷ lệ**	**Số CP**	**Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)**	**Tỷ lệ**	**Số CP**	**Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)**
Công ty TNHH Tập đoàn BITEXCO		-	-	22,50%	67.500.000	675.000.000.000
Công ty cổ phần Tập đoàn SSG	22,50%	67.500.000	675.000.000.000	22,50%	67.500.000	675.000.000.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	77,50%	232.500.000	2.325.000.000.000	55,00%	165.000.000	1.650.000.000.000
Tổng	**100%**	**300.000.000**	**3.000.000.000.000**	**100%**	**300.000.000**	**3.000.000.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	**3.000.000.000.000**	**3.000.000.000.000**
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 6	**3.000.000.000.000**	**3.000.000.000.000**
Cổ tức đã chia	-	*90.000.000.000*
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng người quản lý doanh nghiệp	*5.192.000.000*	*24.252.127.448*

d. Cổ phiếu

	30/6/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**300.000.000**	**300.000.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**300.000.000**	**300.000.000**
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**300.000.000**	**300.000.000**
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**195.029.144.833**	**221.965.954.130**
Doanh thu hạ tầng Khu công nghiệp	195.029.144.833	171.009.986.067
Doanh thu kinh doanh điện (i)	-	50.955.968.063
Các khoản giảm trừ doanh thu	**9.468.998.000**	**-**
Hàng bán trả lại	9.468.998.000	-
Doanh thu thuần	**185.560.146.833**	**221.965.954.130**
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan *(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)*	***4.085.740.309***	***2.649.748.518***

(i) Doanh thu kinh doanh điện của Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3 được ghi nhận theo Hợp đồng mua bán điện số 03/2017/HĐ-NMĐ-Đak Mi 3 ngày 31/3/2017 giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Tổng công ty IDICO về việc mua bán điện Nhà máy thủy điện Đak Mi 3. Tuy nhiên, đến ngày 30/6/2021, Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3 tạm ngừng vận hành từ ngày 28/10/2020 để sửa chữa, khắc phục sự cố do bị ảnh hưởng của cơn bão số 9 theo Thông báo số 684/TCT-TCKT ngày 29/10/2020 của Tổng công ty IDICO nên chưa có doanh thu.

6.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn hạ tầng Khu công nghiệp	97.749.697.526	101.002.704.429
Giá vốn kinh doanh điện	36.055.049.399	52.541.603.582
Giá vốn hàng bán trả lại	(9.468.998.000)	-
Tổng	**124.335.748.925**	**153.544.308.011**

6.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.779.011.109	38.229.581.313
Lãi bán các khoản đầu tư	260.000.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	47.367.238.648	73.458.623.609
Tổng	**322.146.249.757**	**111.688.204.922**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí lãi vay	35.427.553.698	60.998.181.157
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.321.329	-
Tổng	**35.435.875.027**	**60.998.181.157**

6.5 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.737.773.264	9.189.214.548
Chi phí vật liệu quản lý	405.586.911	242.469.522
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.352.604.912	1.474.960.649
Thuế phí và lệ phí	3.000.000	3.018.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.316.041.686	610.747.520
Chi phí bằng tiền khác	12.358.145.660	12.431.781.391
Tổng	**28.173.152.433**	**23.952.192.132**

6.6 LỢI NHUẬN KHÁC

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Thu nhập khác		
Lãi chậm thanh toán	713.090.225	2.286.160.556
Các khoản khác	888.542.030	774.992.177
Tổng	**1.601.632.255**	**3.061.152.733**
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản cố định	13.422.581	-
Các khoản khác	4.490.422.817	1.151.184.364
Tổng	**4.503.845.398**	**1.151.184.364**
Lợi nhuận khác	**(2.902.213.143)**	**1.909.968.369**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.7 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**316.567.795.691**	**97.069.446.121**
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	***3.733.777.696***	***571.672.396***
Các khoản chi phí không được trừ	*3.733.777.696*	*571.672.396*
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	***47.367.238.648***	***73.458.623.609***
Cổ tức, lợi nhuận được chia	*47.367.238.648*	*73.458.623.609*
Thu nhập chịu thuế	**272.934.334.739**	**24.182.494.908**
Thu nhập chịu thuế suất 20%	**272.934.334.739**	**7.772.140.170**
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	54.586.866.948	1.554.428.034
Thu nhập chịu thuế suất 15%	**-**	**16.410.354.738**
Thuế suất	15%	15%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	2.461.553.211
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**54.586.866.948**	**4.015.981.245**
Điều chỉnh theo Tổng cục thuế (i)	7.072.136.336	-
Thuế TNDN hiện hành	**61.659.003.284**	**4.015.981.245**

(i) Theo quyết định số 729/QĐ-TCT ngày 28/5/2021 của Tổng cục thuế về việc xử phạt hành chính về thuế qua thanh tra chấp hành pháp luật thuế đã truy thu thuế TNDN năm 2019 số tiền trên.

6.8 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.129.134.691	10.307.399.686
Chi phí nhân công	24.483.027.102	15.158.295.982
Chi phí khấu hao tài sản cố định	78.976.173.964	80.176.501.429
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.619.723.535	38.225.650.480
Chi phí khác bằng tiền	15.468.795.406	12.730.974.550
Tổng	**167.676.854.698**	**156.598.822.127**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Từ ngày 09/7/2021 đến thời điểm hiện nay, đại dịch COVID-19 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp, khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Tổng công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên, rất có thể đại dịch COVID-19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Tổng công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Theo Nghị quyết số 27/NQ-TCT ngày 06/8/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty IDICO-CTCP (IDICO) về việc thông qua nội dung giao dịch chuyển nhượng phần vốn góp của IDICO tại Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ (PFG). Theo đó, IDICO đồng ý chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp (tương ứng 30% vốn điều lệ của PFG) cho 02 nhà đầu tư dự kiến là Tổng công ty Viglacera và Công ty TNHH Tập đoàn Khoa Học công nghệ Khải Thịnh với tổng giá trị chuyển nhượng là 350.000.000.000 VND.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2021.

7.2 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

1) Danh sách các bên liên quan:

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
1	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	Công ty con	IDICO - MCI
2	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	Công ty con	IDICO - UDICO
3	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Công ty con	IDICO - LINCO
4	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	Công ty con	IDICO - CONAC
5	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	Công ty con	IDICO - INCO 10
6	Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	Công ty con	IDICO - INCON
7	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Công ty con	IDICO - URBIZ
8	Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Công ty con	IDICO - SHP
9	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Công ty con	IDICO - IDI
10	Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Công ty con	IDICO - ICC
11	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quế Võ IDICO	Công ty con	IDICO - QUE VO
12	Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	Công ty con	IDICO - TCC
13	Công ty cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	Công ty liên kết	BVEC
14	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Công ty liên kết	LAMA IDICO
15	Công ty cổ phần Thủy điện Đak Mi	Công ty liên kết	ĐAK MI JSC
16	Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ	Công ty liên kết	PFG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.2 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

2) Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác.

a. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Ông Ninh Mạnh Hồng	Nguyên Chủ tịch HĐQT	294.000.000	680.464.000
Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch HĐQT	316.000.000	-
Ông Đặng Chính Trung	Thành viên HĐQT	60.000.000	161.200.000
Ông Nguyễn Cao Nguyên	Thành viên HĐQT	215.000.000	-
Ông Vũ Quang Bảo	Nguyên thành viên HĐQT	165.556.000	139.200.000
Ông Trịnh Hùng Lâm	Nguyên thành viên HĐQT	216.000.000	498.045.000
Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	40.000.000	-
Tổng		**1.306.556.000**	**1.478.909.000**

b. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Ông Nguyễn Cao Nguyên	Nguyên trưởng BKS	168.000.000	388.836.000
Ông Hoàng Văn Hiến	Trưởng BKS	390.000.000	379.232.000
Bà Lê Ánh Thu	Nguyên thành viên BKS	29.400.000	67.410.000
Ông Đào Hữu Thắng	Thành viên BKS	28.000.000	-
Bà Trần Thanh Linh	Thành viên BKS	28.000.000	-
Tổng		**643.400.000**	**835.478.000**

c. Lương và các lợi ích khác của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Ông Nguyễn Văn Đạt	Nguyên Tổng giám đốc	165.184.783	728.464.000
Ông Đặng Chính Trung	Tổng giám đốc	686.000.000	-
Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc	614.000.000	630.045.000
Ông Phan Văn Chung	Phó Tổng giám đốc	547.000.000	576.045.000
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng giám đốc	528.000.000	570.045.000
Ông Phan Văn Chính	Phó Tổng giám đốc	50.000.000	-
Ông Phạm Minh Hiệp	Nguyên Phó Tổng giám đốc	-	221.000.000
Bà Trần Thị Ngọc	Kế toán trưởng	360.000.000	412.836.000
Tổng		**2.950.184.783**	**3.138.435.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.2 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

3) Trong kỳ, Tổng công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Bán hàng		**4.085.740.309**	**2.649.748.518**
PFG	Dịch vụ	4.030.240.309	2.574.748.518
IDICO - URBIZ	Dịch vụ	19.500.000	39.000.000
IDICO - QUE VO	Dịch vụ	36.000.000	36.000.000
Mua hàng		**75.614.025.533**	**140.698.319.084**
IDICO - URBIZ	Khối lượng xây lắp, D.vụ	24.030.293.195	83.884.886.817
IDICO - LINCO	Khối lượng xây lắp	27.968.294.100	48.081.675.827
IDICO - UDICO	Khối lượng xây lắp	2.311.758.719	1.846.932.612
IDICO - INCON	Dịch vụ tư vấn	3.091.648.719	2.975.102.471
IDICO - MCI	Khối lượng xây lắp	249.314.350	-
IDICO - ICC	Khối lượng xây lắp	9.685.214.512	3.909.721.357
IDICO - TCC	Khối lượng xây lắp	3.604.977.438	-
LAMA IDICO	Khối lượng xây lắp	4.672.524.500	-
Giao dịch cổ phiếu		**67.311.260.000**	-
IDICO - UDICO	Mua lại cổ phiếu HTI và IDICO-QUE VO	47.551.260.000	-
IDICO - URBIZ	Mua lại cổ phiếu INC và IDICO-QUE VO	19.760.000.000	-
Cổ tức được chia		**45.072.238.648**	**72.264.623.609**
IDICO - UDICO	Cổ tức được chia	4.080.000.000	16.320.000.000
IDICO - CONAC	Cổ tức được chia	4.080.000.000	7.650.000.000
IDICO - LINCO	Cổ tức được chia	-	22.950.000.000
IDICO - URBIZ	Lợi nhuận về IDICO	34.095.276.387	25.344.623.609
IDICO - ICC	Lợi nhuận về IDICO	2.816.962.261	-
Lãi cho vay		**4.213.275.907**	**16.981.567.643**
ĐAK MI JSC	Lãi cho vay	685.172.016	15.290.542.111
IDICO - SHP	Lãi cho vay	1.407.945.206	1.477.486.111
IDICO - MCI	Lãi cho vay	519.778.629	97.521.667
IDICO - TCC	Lãi cho vay	103.174.576	116.017.754
IDICO - LINCO	Lãi cho vay	1.497.205.480	-
Cho vay		**90.700.000.000**	**5.785.561.506**
IDICO - MCI	Cho vay	20.200.000.000	-
ĐAK MI JSC	Cho vay	-	5.785.561.506
IDICO - TCC	Cho vay	7.500.000.000	-
IDICO - LINCO	Cho vay	55.000.000.000	-
IDICO-SHP	Cho vay	8.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.2 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

4) Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Bên liên quan		30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng		**225.395.625**	**147.330.000**
IDICO - QUE VO		-	39.600.000
PFG		225.395.625	107.730.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn		**16.620.065.295**	**2.118.891.599**
IDICO - LINCO		13.844.544.552	-
IDICO - ICC		1.609.557.325	-
IDICO - TCC		1.165.963.418	2.118.891.599
Phải thu cho vay ngắn hạn		**108.800.000.000**	**105.557.057.386**
DAK MI JSC		-	71.957.057.386
IDICO - SHP		30.000.000.000	30.000.000.000
IDICO - MCI		23.800.000.000	3.600.000.000
IDICO - LINCO		55.000.000.000	-
Phải thu cho vay dài hạn		**17.740.000.000**	**2.240.000.000**
IDICO - SHP		8.000.000.000	-
IDICO - TCC		9.740.000.000	2.240.000.000
Phải thu khác ngắn hạn		**74.934.633.349**	**250.531.539.780**
IDICO - LINCO	Cổ tức	5.201.863.014	8.721.000.000
IDICO - INCO 10	Lãi vay	8.152.386.645	8.152.386.645
DAK MI JSC	Cổ tức và lãi vay	-	152.598.921.968
IDICO - MCI	Lãi vay	2.260.431.264	1.740.652.635
IDICO - SHP	Cổ tức	32.052.191.781	41.923.361.111
IDICO - UDICO	Cổ tức	-	-
IDICO - CONAC	Cổ tức	4.080.000.000	8.160.000.000
IDICO - IDI	Cổ tức	-	11.850.870.000
IDICO - INCON	Cổ tức	600.000.000	1.812.000.000
IDICO - URBIZ	Lợi nhuận chuyển về	19.424.040.684	15.328.764.297
IDICO - TCC		346.757.700	243.583.124
IDICO - ICC		2.816.962.261	-
Phải trả người bán ngắn hạn		**7.336.634.308**	**126.967.343.039**
IDICO - UDICO		2.646.976.957	2.650.578.327
IDICO - LINCO		1.107.519.126	46.921.138.620
IDICO - URBIZ		15.804.875	69.215.519.127
IDICO - INCON		1.632.085.490	1.334.987.293
IDICO - MCI		1.934.247.860	2.030.783.435
IDICO - ICC		-	4.814.336.237

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.3 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Tổng công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.18, tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng công ty gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	358.016.024.324	326.778.801.073
Phải thu khách hàng và phải thu khác	466.716.211.241	502.727.618.897
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.023.660.000.000	213.660.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	109.969.057.747	109.969.057.747
Tổng	**1.958.361.293.312**	**1.153.135.477.717**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.583.699.929.936	1.435.471.104.145
Phải trả người bán và phải trả khác	138.255.233.505	209.136.849.261
Chi phí phải trả	9.792.317.474	12.196.932.022
Tổng	**1.731.747.480.915**	**1.656.804.885.428**

Các loại công cụ tài chính

Tổng công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Tổng công ty chịu rủi ro về giá từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Tại ngày 30/6/2021, IDICO - MCI với giá trị 28.680.000.000 VND (tương ứng 2.868.000 cổ phiếu); IDICO - QUE VO với giá trị là 58.589.200.000 VND (tương ứng 4.394.920 cổ phiếu); IDICO - INCO 10 với giá trị 33.890.900.000 VND (tương ứng 3.389.090 cổ phiếu); IDICO - TCC với giá trị mua là 11.191.650.000 VND (tương ứng 1.865.275 cổ phiếu, theo mệnh giá là 18.652.750.000 VND); BVEC với giá trị là 150.712.000.000 VND (tương ứng 15.071.200 cổ phiếu); IUV với giá trị 10.217.858.042 VND (tương ướng 1.000.000 cổ phiếu). Tại thời điểm ngày 30/6/2021, số dư IDICO đã trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính này theo Chế độ kế toán hiện hành với số tiền lần lượt là 18.356.046.908 VND; 1.847.817.284 VND; 2.648.011.208 VND; 11.191.650.000 VND; 23.056.614.780 VND và 2.440.026.737 VND.

Các khoản đầu tư khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng công ty. Tổng công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày 30/6/2021, IDICO đã tiến hành rà soát tình trạng công nợ phải thu khách hàng, kết hợp đồng thời với thủ tục đối chiếu xác nhận công nợ phải thu, IDICO đã phân loại và đánh giá khả năng thu hồi công nợ theo từng khách hàng. Số dư IDICO đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với giá trị là 16.099.780.213 VND (tại ngày 31/12/2020 là 16.099.780.213 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả.

Tại ngày 30/6/2021	**Dưới 1 năm VND**	**Từ 1 - 15 năm VND**	**Tổng VND**
Phải trả người bán và phải trả khác	138.255.233.505	-	138.255.233.505
Chi phí phải trả	9.792.317.474	-	9.792.317.474
Các khoản vay	312.895.845.586	1.270.804.084.350	1.583.699.929.936
Tổng	**460.943.396.565**	**1.270.804.084.350**	**1.731.747.480.915**

Tại ngày 01/01/2021	**Dưới 1 năm VND**	**Từ 1 - 15 năm VND**	**Tổng VND**
Phải trả người bán và phải trả khác	209.136.849.261	-	209.136.849.261
Chi phí phải trả	12.196.932.022	-	12.196.932.022
Các khoản vay	283.015.076.661	1.152.456.027.484	1.435.471.104.145
Tổng	**504.348.857.944**	**1.152.456.027.484**	**1.656.804.885.428**

Ban Tổng giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Tổng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.3 Công cụ tài chinh (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 30/6/2021	**Dưới 1 năm VND**	**Từ 1 - 15 năm VND**	**Tổng VND**
Tiền và các khoản tương đương tiền	358.016.024.324	-	358.016.024.324
Phải thu khách hàng và phải thu khác	338.558.711.241	128.157.500.000	466.716.211.241
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.023.660.000.000	-	1.023.660.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	109.969.057.747	109.969.057.747
Tổng	**1.720.234.735.565**	**238.126.557.747**	**1.958.361.293.312**

Tại ngày 01/01/2021	**Dưới 1 năm VND**	**Từ 1 - 15 năm VND**	**Tổng VND**
Tiền và các khoản tương đương tiền	326.778.801.073	-	326.778.801.073
Phải thu khách hàng và phải thu khác	490.070.118.897	12.657.500.000	502.727.618.897
Đầu tư tài chính ngắn hạn	213.660.000.000	-	213.660.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	109.969.057.747	109.969.057.747
Tổng	**1.030.508.919.970**	**122.626.557.747**	**1.153.135.477.717**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.4 Báo cáo bộ phận

Tổng công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh dịch vụ Khu công nghiệp, kinh doanh điện và lĩnh vực khác chủ yếu là hoạt động đầu tư tài chính của Tổng công ty.

a) Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30/6/2021

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh dịch vụ Khu công nghiệp	Kinh doanh điện	Hoạt động khác	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	1.585.980.622.717	1.142.748.795.959	26.168.910.367	2.754.898.329.043
Xây dựng cơ bản dở dang	3.242.172.094.926	7.519.702.234	-	3.249.691.797.160
Các khoản phải thu	55.321.065.632	15.318.054.203	469.243.767.263	539.882.887.098
Hàng tồn kho	675.901.061	9.188.558.578	9.468.998.000	19.333.457.639
Tài sản không thể phân bổ				3.501.836.987.089
Tổng tài sản				**10.065.643.458.029**
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	4.663.094.928.726	30.192.323.374	177.986.406.092	4.871.273.658.192
Phải trả tiền vay	943.453.678.821	640.246.251.115	-	1.583.699.929.936
Tổng nợ phải trả				**6.454.973.588.128**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.4 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

b) Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh dịch vụ			
	Khu công nghiệp	**Kinh doanh điện**	**Hoạt động khác**	**Tổng**
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	195.029.144.833	-	(9.468.998.000)	185.560.146.833
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	97.749.697.526	36.055.049.399	(9.468.998.000)	124.335.748.925
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	322.146.249.757	322.146.249.757
Chi phí tài chính	7.097.403.840	28.466.634.936	(128.163.749)	35.435.875.027
Chi phí bán hàng	-	-	291.611.371	291.611.371
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.250.235.242	-	16.922.917.191	28.173.152.433
Thu nhập khác	-	-	1.601.632.255	1.601.632.255
Chi phí khác	-	-	4.503.845.398	4.503.845.398
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	78.931.808.225	(64.521.684.335)	302.157.671.801	316.567.795.691
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	61.659.003.284
Lợi nhuận trong kỳ				**254.908.792.407**

c) Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2020

	Kinh doanh dịch vụ			
	Khu công nghiệp	**Kinh doanh điện**	**Hoạt động khác**	**Tổng**
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	1.609.856.050.394	1.175.538.300.577	26.947.810.729	2.812.342.161.700
Xây dựng cơ bản dở dang	3.124.300.366.134	7.519.702.234	30.363.636	3.131.850.432.004
Các khoản phải thu	43.622.427.288	18.891.218.455	447.729.497.630	510.243.143.373
Hàng tồn kho	267.053.262	9.188.558.578	-	9.455.611.840
Tài sản không thể phân bổ				2.786.774.513.931
Tổng tài sản				**9.250.665.862.848**
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	4.177.968.397.611	5.566.479.239	270.706.804.359	4.454.241.681.209
Phải trả tiền vay	735.224.853.030	700.246.251.115	-	1.435.471.104.145
Tổng nợ phải trả				**5.889.712.785.354**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.4 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

d) Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

	Kinh doanh dịch vụ Khu công nghiệp	Kinh doanh điện	Hoạt động khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	171.009.986.067	50.955.968.063	-	221.965.954.130
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	101.002.704.429	52.541.603.582	-	153.544.308.011
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	111.688.204.922	111.688.204.922
Chi phí tài chính	11.490.457.870	38.614.345.743	10.893.377.544	60.998.181.157
Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.081.471.864	5.460.987.968	3.409.732.300	23.952.192.132
Thu nhập khác	-	-	3.061.152.733	3.061.152.733
Chi phí khác	-	-	1.151.184.364	1.151.184.364
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.435.351.904	(45.660.969.230)	99.295.063.447	97.069.446.121
Thuế thu nhập doanh nghiệp				4.015.981.245
Lợi nhuận trong kỳ				**93.053.464.876**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.5 THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Nguyễn Đức Tiến	Trần Thị Ngọc	Đặng Chính Trung